

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-CDCT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP

Mã ngành, nghề: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 3 năm

Nội dung chương trình.

Mã MH/MĐ	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/thực tập/BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	315	128	168	18
223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
229126	Tin học	3	75	15	57	2
224003 200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
224004 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
224016 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
234012	Giáo dục quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn		2	30	4	24	2
234002	Bóng chuyền 1	2	30	4	24	2
234006	Bóng đá 1	2	30	4	24	2
234007	Bóng rổ 1	2	30	4	24	2
234008	Cầu lông 1	2	30	4	24	2
234009	Aerobic 1	2	30	4	24	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn		2	30	4	24	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/thực tập/BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
234003	Bóng chuyền 2	2	30	4	24	2
234010	Bóng đá 2	2	30	4	24	2
234011	Bóng rổ 2	2	30	4	24	2
234013	Cầu lông 2	2	30	4	24	2
234014	Aerobic 2	2	30	4	24	2
II	Các môn học chuyên ngành	71	1770	561	1137	72
II.1	Môn học cơ sở	20	390	156	213	21
226012	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
226093	Luật kinh doanh	2	45	15	28	2
226026	Quản trị học	2	45	15	28	2
226016	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
225087	Nguyên lý thống kê	3	60	30	27	3
225014	Nguyên lý kế toán	2	45	15	28	2
Môn học Kỹ năng mềm		2	30	6	21	3
(chọn 1 trong 3 kỹ năng sau)						
222039	Kỹ năng mềm 1	2	30	6	21	3
222040	Kỹ năng mềm 2	2	30	6	21	3
222041	Kỹ năng mềm 3	2	30	6	21	3
Các môn chuyên ngành tự chọn		4	60	30	26	4
	(Chọn 1 trong 4 môn học sau)	2	30	15	13	2
226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	13	2
226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	17.5	10	2.5
222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
	(Chọn 1 trong 3 môn học sau)	2	30	15	13	2
226036	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2
226017	Môi trường và con người	2	30	15	13	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/thực tập/BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
222024	Xác suất thống kê	2	30	10	18	2
II.2	Môn học chuyên môn ngành	40	1020	315	665	40
226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	45	15	28	2
226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	60	30	27	3
226165	Quản trị chiến lược	3	60	30	27	3
226078	Thuế trong kinh doanh	2	45	15	28	2
226091	Quản trị ngoại thương	2	45	15	28	2
226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	45	15	28	2
226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	45	15	28	2
226074	Thương mại điện tử	3	60	30	27	3
226141	Quản trị nhân sự	3	60	30	27	3
226033	Quản trị tài chính	2	45	15	28	2
226248	Quản trị marketing	3	60	30	27	3
226249	Quản trị sản xuất	3	60	30	27	3
226250	Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp	1	45	0	44	1
226089	Chuyên đề: Đàm phán trong kinh doanh	1	30	0	29	1
226204	Chuyên đề: Xử lý tình huống trong kinh doanh	1	30	0	29	1
226205	Chuyên đề: Marketing online	1	30	0	29	1
226206	Chuyên đề: 5S và Kaizen	1	30	0	29	1
226181	Thực tập tốt nghiệp	5	225	45	175	5
II.3	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	45	175	5
	(Chọn 1 trong 2 tự chọn sau)					
Tự chọn 1						
226044	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	45	175	5
Tự chọn 2 (2 môn thay thế khóa luận		5	105	45	55	5

Mã MH/MĐ	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	TH/thực tập/BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
tốt nghiệp)						
226045	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3	60	30	27	3
226034	Quản trị thương hiệu	2	45	15	28	2
II.4	Ngoại ngữ chuyên ngành tự chọn	2	45	15	28	2
224009	Anh văn chuyên ngành QTKD	2	45	15	28	2
200004	Tiếng Nhật 4	2	45	15	28	2
II.5	Môn học chuyên môn tự chọn (phải học 2 trong 5 môn sau)	4	90	30	56	4
226041	Tâm lý kinh doanh	2	45	15	28	2
226063	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	45	15	28	2
226031	Quản trị rủi ro	2	45	15	28	2
226058	Logistics	2	45	15	28	2
226083	Marketing quốc tế	2	45	15	28	2
TỔNG CỘNG		90	2085	689	1305	90

Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ (Không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			15	300	111	174	14
1	226020	Pháp luật	2	30	18	10	2
2	229126	Tin học	3	75	15	57	2
3	224003/ 200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
4	226026	Quản trị học	2	45	15	28	2
5	226016	Marketing căn bản	2	45	15	28	2

6	225087	Nguyên lý thống kê	3	60	30	27	3
7	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
Học kỳ 2: 16 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			14	270	104	152	14
8	223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
9	224004/ 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
10	226012	Kinh tế vi mô	3	60	30	27	3
11	226093	Luật kinh doanh	2	45	15	28	2
12	226250	Chuyên đề thực tế: Quản trị doanh nghiệp	1	45	0	44	1
Môn học Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 5 môn học sau)			2	30	4	24	2
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	4	24	2
13.2	234006	Bóng đá 1	2	30	4	24	2
13.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	4	24	2
13.4	234008	Cầu lông 1	2	30	4	24	2
13.5	234009	Aerobic 1	2	30	4	24	2
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 4 môn học sau)			2	30	15	13	2
14.1	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	13	2
14.2	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
14.3	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	17.5	10	2.5
14.4	222017	Tiếng Việt thực hành B	2	30	15	13	2
Học kỳ 3: 23 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			19	375	168	188	19
15	225014	Nguyên lý kế toán	2	45	15	28	2
16	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
17	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	60	30	27	3
18	226141	Quản trị nhân sự	3	60	30	27	3
19	226033	Quản trị tài chính	2	45	15	28	2
20	226248	Quản trị marketing	3	60	30	27	3

21	226074	Thương mại điện tử	3	60	30	27	3
Môn học Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 5 môn học sau)			2	30	4	24	2
22.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	4	24	2
22.2	234010	Bóng đá 2	2	30	4	24	2
22.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	4	24	2
22.4	234013	Cầu lông 2	2	30	4	24	2
22.5	234014	Aerobic 2	2	30	4	24	2
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 môn học sau)			2	30	15	13	2
23.1	226036	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2
23.2	226017	Môi trường và con người	2	30	15	13	2
23.3	222024	Xác suất thống kê	2	30	10	18	2
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 môn học sau)			2	45	15	28	2
24.1	226041	Tâm lý kinh doanh	2	45	15	28	2
24.2	226063	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	45	15	28	2
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			17	375	111	246	18
25	226022	Quản trị chất lượng (QT)	2	45	15	28	2
26	226091	Quản trị ngoại thương	2	45	15	28	2
27	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	45	15	28	2
28	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	45	15	28	2
29	226249	Quản trị sản xuất	3	60	30	27	3
30	224009/200004	Anh văn chuyên ngành QTKD/Tiếng Nhật 4	2	45	15	28	2
31	Kỹ năng mềm		2	30	6	21	3
	(chọn 1 trong 3 kỹ năng sau)						
31.1	222039	Kỹ năng mềm 1	2	30	6	21	3
31.2	222040	Kỹ năng mềm 2	2	30	6	21	3
31.3	222041	Kỹ năng mềm 3	2	30	6	21	3

32	226089	Chuyên đề: Đàm phán trong kinh doanh	1	30	0	29	1
33	226204	Chuyên đề: Xử lý tình huống trong kinh doanh	1	30	0	29	1
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 3 môn học sau)			2	45	15	28	2
34.1	226031	Quản trị rủi ro	2	45	15	28	2
34.2	226058	Logistics	2	45	15	28	2
34.3	226083	Marketing quốc tế	2	45	15	28	2
Học kỳ 5: 12 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			12	390	90	288	12
35	226205	Chuyên đề: Marketing online	1	30	0	29	1
36	226206	Chuyên đề: 5S và Kaizen	1	30	0	29	1
37	226078	Thuế trong kinh doanh	2	45	15	28	2
38	226165	Quản trị chiến lược	3	60	30	27	3
39	226181	Thực tập tốt nghiệp	5	225	45	175	5
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm môn sau)			5	225	45	175	5
40.1	226044	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	45	175	5
<i>02 môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp gồm:</i>							
40.2	226045	Phân tích hoạt động doanh nghiệp	3	60	30	27	3
40.3	226034	Quản trị thương hiệu	2	45	15	28	2

Hướng dẫn sử dụng chương trình.

Hướng dẫn chung.

- Sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 2 ngoại ngữ Tiếng Anh hoặc Tiếng Nhật. Nếu lựa chọn Tiếng Anh, sinh viên bắt buộc phải học tất cả các môn Tiếng Anh 1, 2, 3 và Tiếng Anh chuyên ngành. Nếu lựa chọn Tiếng Nhật, sinh viên bắt buộc phải học tất cả các môn Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4 (*Lưu ý: Sinh viên đang học ngoại ngữ này, muốn chuyển sang học ngoại ngữ khác phải học lại từ đầu; sinh viên có quyền học song song một lúc 2 ngoại ngữ*).
- Về môn học kỹ năng mềm, chương trình môn học sẽ được thiết kế làm 3 kỹ năng mềm (1,2,3), mỗi sinh viên bắt buộc phải học ít nhất 1 kỹ năng (tương đương 2 tín chỉ = 30 tiết), nội dung các kỹ năng như sau:

- Kỹ năng mềm 1: Học 3 kỹ năng sau:

- + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
- + Kỹ năng thuyết trình.
- + Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.
- Kỹ năng mềm 2: Học 3 kỹ năng sau:
 - + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
 - + Kỹ năng giải quyết vấn đề.
 - + Kỹ năng thuyết trình.
- Kỹ năng mềm 3: Học 3 kỹ năng sau:
 - + Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.
 - + Kỹ năng làm việc nhóm.
 - + Kỹ năng dự tuyển việc làm.
- Môn Giáo dục thể chất, sinh viên có thể chọn học 2 trong 5 môn học: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, aerobic. Sinh viên không được chọn 2 môn khác nhau tính chất trong GDTC1 và GDTC2 (ví dụ: không được chọn bóng chuyền 1 cho GDTC1 và bóng đá 2 cho GDTC2).
- Môn thực tập tốt nghiệp (5TC), sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 2 tháng (Có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6) sau khi học xong các môn học ở học kỳ 4.
- Môn Khóa luận tốt nghiệp sinh viên có thể thực hiện song song cùng quá trình đi thực tập tại doanh nghiệp. Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6.
- Các môn học tại doanh nghiệp: tùy theo tình hình thực tế tại doanh nghiệp mà các môn sau có thể bố trí học tại doanh nghiệp hoặc tại trường như môn Chuyên đề thực tế quản trị doanh nghiệp.

Thi kết thúc môn học.

- Các môn học, tùy vào tính chất mà được tổ chức trải cả học kỳ hoặc ½ học kỳ. Khi kết thúc môn, Nhà trường tổ chức kỳ thi kết thúc môn học cho các sinh viên đảm bảo đã đủ điều kiện tham dự thi kết thúc môn học căn cứ theo chương trình mỗi môn học quy định. Trường chỉ tổ chức một kỳ thi, không có kỳ thi lại.
- Trường thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo thang điểm 10.
- Điểm môn học = $0,4 * \text{điểm quá trình} + 0,6 * \text{điểm kiểm tra hết môn}$ (trừ các trường hợp đặc biệt được quy định riêng trong chương trình môn học).
- Điểm tích lũy là điểm của mỗi môn học có kết quả từ 5,0 điểm trở lên.
- Hình thức thi kết thúc môn học: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được quy định trong chương trình môn học.
- Thời gian thi kết thúc môn học: Lý thuyết: 90 phút – 120 phút; Thực hành: 120 phút – 150 phút.

Xét và công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên được xét tốt nghiệp khi đạt được tất cả các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số môn học trong chương trình đào tạo quy định từ đầu khóa học;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,00 trở lên;
- Đã đạt các môn học Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ Ngoại ngữ và Tin học theo chuẩn đầu ra quy định.

Lưu ý: Các điều kiện về chứng chỉ tin học và ngoại ngữ được quy định cụ thể tại website Trường www.hitu.edu.vn

Các đơn vị thực thi chương trình đào tạo.

Các đơn vị thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ được quy định trong quy chế của trường. Các vấn đề cần chú ý thực hiện bao gồm:

- Tập huấn triển khai thực hiện chương trình nhằm đảm bảo cho cả người dạy, người học và nhà quản lý hiểu đúng, đầy đủ nội dung chương trình để thống nhất thực hiện. Các đơn vị lập kế hoạch để triển khai chuẩn bị và tổ chức dạy học.
- Tổ chức khai giảng; bế giảng; đánh giá các điều kiện trước khoá học để có cơ sở đánh giá chương trình sau này.
- Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo chương trình được thực hiện theo các điều kiện, yêu cầu đã đề ra.
- Sơ kết, đánh giá chương trình dạy học từng năm và kết thúc khóa học để thực hiện các hoạt động sửa đổi, điều chỉnh chương trình và các tài liệu dạy học. Quản lý mục tiêu đào tạo, kiểm soát chất lượng nhằm đạt mục tiêu ban đầu của chương trình.
- Cách tổ chức lớp học: Lý thuyết, thực hành, cộng đồng, thực tế ... được cụ thể về địa điểm tổ chức học tập, điều kiện thực hiện môn học đã ghi rõ trong chương trình môn học. Các đơn vị liên quan cần thực hiện chuẩn bị tất cả các yêu cầu của môn học để triển khai chương trình đào tạo này.

Giảng viên, cố vấn học tập.

- Giảng viên giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành đảm bảo tiêu chuẩn quy định do Bộ LĐTBXH ban hành.
- Giảng viên chuyên ngành, cố vấn học tập cần thấu hiểu cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo trước khi đảm nhiệm thực thi chương trình.
- Quản lý kế hoạch dạy-học: Mỗi giảng viên khi lên lớp đều phải có kế hoạch dạy-học. Kế hoạch dạy-học được biên soạn trên cơ sở chương trình môn học. Kế hoạch dạy học là văn bản pháp lý đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên. Kế hoạch dạy-học cần thường xuyên cập nhật thông tin mới, sinh động.
- Giảng viên cung cấp thông tin cho sinh viên về chương trình môn học, phương pháp tổ chức giảng dạy, cách thức đánh giá kết quả môn học trước khi giảng dạy.
- Giảng viên đánh giá chương trình môn học, tính tương thích của môn học với chương trình đào tạo, các điều kiện thực hiện và chất lượng môn học khi kết thúc môn học theo kế hoạch đánh giá chương trình của khoa/trường.
- Cố vấn học tập cung cấp hướng dẫn cho sinh viên mục tiêu chương trình, sơ đồ cây chương trình, điều kiện tốt nghiệp và các vấn đề liên quan trong thời gian thực hiện khóa học. Ngoài

ra, Cố vấn học tập cần thực hiện những vấn đề liên quan chương trình có chi rõ trong Sổ tay cố vấn học tập.

- Cố vấn học tập cần tổ chức các cuộc họp định hướng cho sinh viên trước khi thực hiện chương trình và khóa học.

Sinh viên.

- Sinh viên cần tham dự tất cả các cuộc họp với Cố vấn học tập theo quy định của Trường.
- Ngoài các buổi họp với Cố vấn học tập, sinh viên cần đọc kỹ chương trình đào tạo mà đặc biệt là mục tiêu và cây chương trình. Các thông tin về chương trình, cách thức giải quyết các sự vụ trong khóa học được chỉ ra trong Sổ tay sinh viên.
- Nhà trường cho phép sinh viên đăng ký một số tín chỉ các môn tự chọn trong chuyên ngành hoặc ngoài chuyên ngành. Tuy nhiên, những môn ngoài chuyên ngành (không có trong chương trình) sẽ không được tính điểm trung bình của khóa học mà chỉ thể hiện trên bảng điểm.
- Sinh viên sẽ không được rút khỏi các môn học đã đăng ký ngoài thời hạn nhà trường cho phép. Trong trường hợp đặc biệt, phải có ý kiến của Cố vấn học tập.
- Sinh viên phải thực hiện các bài tập, bài viết, ... theo quy định trong chương trình môn học khi học các môn học đã đăng ký. Thời lượng tham dự học lý thuyết trên lớp/phòng thực hành do từng môn học quy định trong chương trình môn học.
- Trong trường hợp điểm trung bình học kỳ/khóa học thấp hơn quy định, sinh viên sẽ bị đình chỉ khóa học (sinh viên cần tham khảo cụ thể quy định trong Sổ tay sinh viên).
- Tính liêm chính trong học thuật: Bất kỳ hành vi sai trái nào trong học tập, bao gồm gian lận, bịa đặt, đạo văn, can thiệp, vi phạm các quy tắc của khóa học hoặc tạo điều kiện cho sự thiếu trung thực trong học tập, sẽ được Trường xử lý và kỷ luật.
- Khi đã tích lũy đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên hãy nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp cho dù sớm hơn thời gian quy định của khóa học.

Trưởng khoa

Võ Minh Sơn